

# NÂNG CAO NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ RÈN KỸ NĂNG XỬ LÝ TÌNH HUỐNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TÍCH HỢP TRONG DẠY - HỌC NGỮ DỤNG HỌC

Nguyễn Thị Thu Hằng - Trần Thị Nhật  
 Trường Đại học Sài Gòn  
 Email: ntthang@sgu.edu.vn

**Tóm tắt:** Bài báo tóm tắt đề tài nghiên cứu của chúng tôi về việc tích hợp dạy học học phần Ngữ dụng học với việc rèn kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống sự phạm cho SV ngành Giáo dục Tiểu học. Qua đó, chúng tôi mô tả lại nhận thức của người GV khi dạy học học phần kiến thức chuyên ngành sao cho phù hợp với đối tượng đào tạo. Bên cạnh đó, chúng tôi mô tả quá trình chuẩn bị, những hoạt động trong giờ học của thầy-trò sao cho sự kết hợp những kiến thức lí thuyết và xây dựng các bước cụ thể để chuẩn bị cho một cuộc giao tiếp trong những tình huống, ngữ cảnh giao tiếp cụ thể nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

**Từ khóa:** Kỹ năng giao tiếp; Ngữ dụng học; Giáo dục tiểu học

Nhận bài: 20/06/2022; Phản biện: 26/06/2022; Duyệt đăng: 28/06/2022

## 1. Lời dẫn

Tích hợp trong dạy học tuy không còn là một khái niệm mới mẻ, nhưng áp dụng như thế nào cho hiệu quả, phù hợp giữa việc học đi đôi với hành vẫn luôn là một câu hỏi đặt ra cho các giảng viên (GV). Dạy học Ngữ dụng học cho sinh viên (SV) ngành giáo dục tiểu học, chúng tôi luôn chú trọng rèn kỹ năng giao tiếp cho SV thông qua từng nội dung lí thuyết tương ứng. Khi chuẩn bị cho giờ lên lớp, chúng tôi xây dựng hệ thống các tình huống giao tiếp phát sinh trong nhà trường theo từng mối quan hệ và hướng dẫn SV ứng dụng các lí thuyết đã học vào việc phân tích các nhân tố giao tiếp để tìm phương án tối ưu nhất cho việc ứng xử sự phạm đó. Bài viết này tóm tắt quá trình chuẩn bị và tổ chức các hoạt động trên lớp nhằm hướng dẫn SV ứng dụng các lí thuyết ngữ dụng học để phân tích, xây dựng các bước nhằm định hướng cách thức chuẩn bị tốt cho một cuộc giao tiếp đạt hiệu quả.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Các công tác chuẩn bị trước giờ lên lớp cho học phần Ngữ dụng học

#### 2.1.1. Xây dựng đề cương chi tiết môn học

Việc đưa những nội dung thực hành vào đề cương chi tiết môn học sao cho những ngữ liệu, những đối tượng ứng dụng phù hợp với chuẩn đầu ra của ngành là vô cùng quan trọng. Chi tiết này trong đề cương môn học thể hiện ý đồ rất cụ thể nhưng thể hiện tầm nhìn của GV, đảm bảo là sự soi chiếu lí thuyết chung nhưng cũng hướng đến những mục tiêu cụ thể mà người học cần cho nghề nghiệp. Trong đào tạo GV tiểu học, những kiến thức ngôn ngữ học không chỉ là nền tảng, cơ sở để SV tự bồi dưỡng, trang bị cho nghề nghiệp của mình mà còn là những đúc rút quy luật liên ngành, xây dựng những cơ sở để định hướng tích lũy kinh nghiệm trong quá trình

giao tiếp và dạy học tiếng Việt trên quan điểm giao tiếp. Có rất nhiều trách nhiệm của người GV tiểu học không được thể hiện trong Sách giáo khoa, trong giáo án dạy học nhưng lại là những dấu ấn, những bài học vô cùng đắt giá mà người GV đã truyền lại cảm hứng và năng lực tư duy, kỹ năng trình bày, kỹ năng giao tiếp cho học sinh (HS) những năm tháng đầu tiên đến trường. Vì vậy, chúng tôi đã đưa những nội dung thực hành học phần Ngữ dụng học vào đề cương chi tiết môn học gắn với thực tiễn của SV ngành giáo dục tiểu học và phù hợp với chuẩn đầu ra của ngành.

#### 2.1.2. Xây dựng kế hoạch dạy học

Bên cạnh việc thực hiện quy định bắt buộc, việc xây dựng một kế hoạch dạy học vừa đảm bảo nội dung của đề cương chi tiết, vừa tăng tối đa tính định hướng và yêu cầu chuẩn bị và tự học, tự đọc và nghiên cứu của SV trước giờ lên lớp là vô cùng quan trọng. Kế hoạch dạy học càng cụ thể, đảm bảo nội dung học phần và phân chia, phân công càng chi tiết theo ý đồ sự phạm càng tốt.

Trong bối cảnh dạy-học theo hệ tín chỉ, SV ngày càng phải phát huy vai trò chủ động và sáng tạo trong học tập. Nếu dạy đúng nghĩa theo hệ tín chỉ, GV không còn giữ vai trò giảng giải kiến thức mà là kiểm tra việc tự học của SV, nhận xét việc trình bày bài thu hoạch của SV, đồng thời giải đáp những khó khăn, vướng mắc của SV trong quá trình đọc tài liệu, làm bài tập và tương tác. Chính vì vậy vai trò hướng dẫn và định hướng của GV quyết định lớn đến kết quả học tập của SV. Khi xây dựng kế hoạch dạy học học phần Ngữ dụng học, chúng tôi luôn chú trọng rèn kỹ năng giao tiếp tương ứng với mỗi dung lượng kiến thức học phần như: *chiếu vật, chỉ xuất; hành vi ngôn ngữ; lập luận, hội thoại và ý nghĩa hàm ngôn*. Kế hoạch dạy học của chúng tôi luôn yêu cầu SV liên hệ với thực tiễn, tìm hiểu các tình huống giao

tiếp sư phạm phát sinh trong trường tiểu học nhằm vận dụng các kiến thức ngữ dụng học để chuẩn bị tốt cho một cuộc giao tiếp có hiệu quả.

**2.1.3. Xây dựng bài giảng điện tử, ứng dụng CNTT trong dạy học**

Nếu muốn đòi hỏi SV ứng dụng công nghệ thông tin trong giờ thuyết trình và trong giờ dạy sau này thì trước hết GV cần phải làm tốt điều đó. Hơn nữa, khi thể hiện sự hỗ trợ của CNTT trong dạy học cũng chính là lúc đưa ra những yêu cầu cho SV trong giờ thuyết trình, là lúc làm mẫu cho SV. Kiến thức, nội dung cần phải được trình bày có tính hệ thống, với sự hỗ trợ của các sơ đồ, bảng biểu. Các luận điểm, luận cứ trình bày cần phải có tính logic và có ý đồ sư phạm. Các kĩ thuật và nghệ thuật dạy học cần được bao quát vừa đảm bảo nguyên tắc sư phạm nhưng cũng cần tính đến sự thu hút, hấp dẫn với người học bằng sự tiết chế phù hợp. Bài giảng lí thuyết và bài giảng thực hành cần được xây dựng dựa trên những đặc điểm của dạng bài này và cũng cần chú ý đến tâm lí của người học nhằm cân đối sự logic của kiến thức và sự mềm mại của nghệ thuật giao tiếp. Ví dụ: khi lựa chọn màu sắc trong giáo án điện tử (một chi tiết mà một số GV lựa chọn ngẫu hứng), cũng cần phải tương thích với nội dung các nhánh kiến thức. Những nhánh chính trong sơ đồ tư duy có vị trí ngang nhau sẽ có cùng màu sắc, những vị trí lớn hơn, bao hàm các nhánh con cũng được thể hiện trên màu sắc và in đậm hay in nghiêng tương ứng.

**2.1.4. Xây dựng hệ thống ngữ liệu và tình huống giao tiếp**

Bên cạnh việc yêu cầu SV lựa chọn ngữ liệu cho phù hợp với từng nội dung thuyết trình, GV cần chuẩn bị cho mình một hệ thống ngữ liệu phù hợp với học phần Ngữ dụng học. Đó chính là các ngữ liệu giao tiếp trên các kênh khác nhau: kênh hình, tiếng, văn bản viết, đặc biệt là các tình huống giao tiếp. Ngoài mục đích gợi dẫn hay ôn tập, tổng kết kiến thức, hệ thống ngữ liệu được chuẩn bị nhằm hỗ trợ cho các nhóm thuyết trình khi có sự yêu cầu từ phía người học. Theo quan điểm của chúng tôi, GV và SV không chỉ tương tác trên lớp mà tương tác suốt cả quá trình SV chuẩn bị thuyết trình. Việc xây dựng ngữ liệu, tình huống cũng chính là một số nhánh đề tài mà chúng tôi hướng dẫn SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Thực tế, GV tiểu học cũng cần phải xây dựng các tình huống giao tiếp khi dạy học các hành vi ngôn ngữ cho HS tiểu học. Ví dụ: khi dạy HS lớp Hai nói lời cảm ơn, GV xây dựng các tình huống tiêu biểu để các em phân biệt được cảm ơn người lớn tuổi hơn khác với cảm ơn bạn bè như thế nào; các em phân biệt được không phải khi nào cũng phải có biểu thức ngôn ngữ "cảm ơn" khi muốn bày tỏ lòng biết ơn của mình.

**2.2. Các hoạt động trong giờ lên lớp**

**2.2.1. Hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình**

Đây là hoạt động đòi hỏi tính công phu và sự tỉ mỉ của GV. Thuyết trình trong giờ lên lớp của SV cũng chính là một quá trình của hoạt động giao tiếp. Đối với SV khoa Giáo dục Tiểu học thì hoạt động này không những tương tác về nội dung kiến thức của học phần mà còn rèn cho các em năng lực điều khiển một buổi làm việc chuyên môn. Theo đó, có rất nhiều yếu tố mà người GV cần phải định hướng, quy định bắt buộc và thiết lập các bước thuyết trình cho SV, ràng buộc người học vào các tiêu chí chấm điểm quá trình. Theo chúng tôi, đây là một hoạt động quan trọng nhất, giúp SV đi đúng hướng, trình bày khoa học, phải đọc tài liệu và nghiên cứu trước khi xây dựng bài thuyết trình, tránh lan man lãng phí thời gian và tránh cách trình bày chỉ tóm tắt lại các kiến thức của giáo trình và Tài liệu học tập.

Có thể tóm tắt những nội dung định hướng đó như sau:

- Hướng dẫn lựa chọn, đọc tài liệu, chọn ngữ liệu phù hợp và tiêu biểu;
- Hướng dẫn xây dựng kịch bản thuyết trình/soạn giáo án lên lớp;
- Hướng dẫn cách sử dụng ngôn ngữ, các kĩ thuật bao quát lớp nhằm buộc tất cả các thành viên/nhóm phải cùng tương tác và xây dựng, phản biện bài học;
- Hướng dẫn xây dựng hệ thống câu hỏi và bài tập phù hợp, phát huy tính tích cực và chủ động của nhóm bạn, đáp ứng các ý đồ sư phạm cho phù hợp với các kiến thức lí thuyết và thực hành tương ứng và phù hợp với dung lượng thời gian cho phép, độ khó của kiến thức;
- Hướng dẫn cách trình bày, cách lập luận theo quy trình diễn dịch hoặc quy nạp: từ ngữ liệu và phân tích ngữ liệu để nhằm làm rõ những quy luật hoạt động của ngôn ngữ trong ngữ cảnh cụ thể;
- Hướng dẫn cách thể hiện nội dung thuyết trình/tương tác trên các phần mềm ứng dụng;
- Hướng dẫn các tiêu chí, chỉ báo để nhận xét, đánh giá, sửa chữa, bổ sung kết quả tương tác của các thành viên trong lớp;
- Hướng dẫn cách đặt câu hỏi tương tác với GV khi gặp phải những vấn đề nhóm thuyết trình và nhóm tương tác không tự giải quyết được, cần sự hỗ trợ của GV;

**2.2.2. Hướng dẫn SV xây dựng các tình huống giao tiếp sư phạm**

Ngữ dụng học nghiên cứu ngôn ngữ trong sử dụng. SV ngành Giáo dục Tiểu học là những thầy cô giáo tương lai, chính vì vậy họ thường xuyên giao tiếp với rất nhiều mối quan hệ đan xen trong nhà trường như: HS, đồng nghiệp, phụ huynh... Tuy nhiên, khi còn ngồi trên ghế giảng đường, SV chưa hình dung ra hết các tình huống giao tiếp sư phạm phát sinh đối với một người

GV tiểu học. Đó chính là lí do chúng tôi hướng dẫn SV sưu tầm các tình huống giao tiếp và xây dựng một số tình huống tiêu biểu để SV có một giả định ngữ cảnh, phân tích thuận lợi khó khăn từ các nhân tố tham gia giao tiếp để đưa ra một hướng xử lí, chuẩn bị các điều kiện nhằm tiến hành một cuộc giao tiếp đạt hiệu quả nhất. Chúng tôi đã xây dựng được khoảng 200 tình huống thường xảy ra trong thực tế, đặc biệt là trong mối quan hệ với phụ huynh HS.

Ví dụ: Là GV chủ nhiệm lớp 1, phụ huynh gặp anh/chị trong giờ đón con và yêu cầu anh chị xếp cho con của họ ngồi bàn đầu, đối diện bảng đen vì mắt của bé cận. Thế nhưng, trong lớp cũng có 10 bạn mắt cận. Vậy, bạn sẽ trả lời phụ huynh đó như thế nào.

Bằng giải pháp này, SV rất hứng thú xâm nhập thực tế thông qua bài học; giờ lí thuyết theo đó mà bớt hàn lâm, khô khan. Đích cuối cùng của việc xây dựng các tình huống giao tiếp là cho các em hình dung ra môi trường mà mình sẽ làm việc sau này, tạo cho các em một thói quen suy nghĩ, phân tích những yếu tố ngoài ngôn ngữ trước khi quyết định sẽ nói gì, ở đâu và nói như thế nào để người nghe hợp tác tích cực với mình.

2.2.3. Hướng dẫn SV ứng dụng mỗi phần lí thuyết ngữ dụng học tương ứng vào việc phân tích để xử lí tình huống khó xử lí

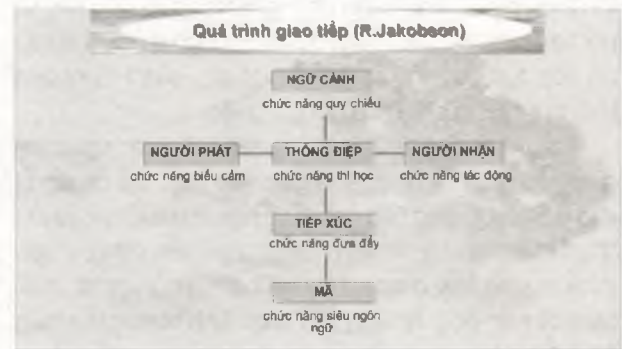
Trong trường tiểu học, GV có rất nhiều mối quan hệ đan xen, và cũng từ đó thường xuyên xảy ra những tình huống khó xử lí. Đặc biệt là đối với GV trẻ, thiếu kinh nghiệm ứng xử, thiếu trải nghiệm và vốn sống thì sẽ rất lúng túng trước những khó khăn khi xử lí các tình huống phát sinh. Bên cạnh mối quan hệ giữa GV với đồng nghiệp; GV thường xuyên có những khi lúng túng trong quá trình giao tiếp với một số phụ huynh khi xảy ra các xung đột liên quan đến tình hình học tập, sinh hoạt và quyền lợi với HS. Mối quan hệ giữa GV và HS cũng không chỉ xoay quanh các bài học và giờ dạy trên lớp, mà còn là vô số các tình huống phát sinh giữa các HS với nhau mà GV phải đứng ra xử lí. Nếu không đủ vốn sống, không có kiến thức giao tiếp, không biết vận dụng nó thì những phát sinh này ảnh hưởng rất nhiều đến thời gian, tâm lí trực tiếp của GV.

Sau khi hướng dẫn SV học, hiểu và thực hành các nội dung lí thuyết của ngữ dụng học như: chiếu vật, chỉ xuất; hành vi ngôn ngữ, lí thuyết lập luận, lí thuyết hội thoại; chúng tôi giành thời gian cho SV thực hành tất cả các lí thuyết đó bằng cách lập kế hoạch xây dựng cuộc giao tiếp để xử lí tình huống. Các tình huống giao tiếp sơ phạm được chúng tôi yêu cầu SV sưu tầm, GV lựa chọn và thay thế dựa trên kinh nghiệm thực tiễn qua nhiều năm giảng dạy và trải nghiệm. Theo đó, chúng tôi lựa chọn các tình huống tiêu biểu, khó xử lí dựa theo các mối quan hệ của người GV trong nhà trường

để yêu cầu SV ứng dụng những lí thuyết ngữ dụng học vào quá trình giao tiếp cho mỗi tình huống trên. Quá trình này diễn ra với sự tranh luận, phản biện rất sôi nổi giữa các nhóm. Ví dụ: khi học về lí thuyết lập luận, SV nắm được khái niệm, các cấu trúc lập luận, các quan hệ và phương diện lập luận... vì vậy, khi tổ chức cuộc nói chuyện với nhân vật giao tiếp trong tình huống đã nêu, người nói cần đưa ra các luận cứ nào, các minh chứng nào, sử dụng các tác tử nào, kết tử nào, đặt luận cứ nào lên trước và kết luận ở đâu... là những nội dung mà SV thảo luận và thực hành.

2.2.4. Xây dựng và rèn cho SV nắm các bước chuẩn bị cho một cuộc giao tiếp

2.2.4.1. Quá trình giao tiếp và các chức năng giao tiếp



Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm của con người. Quá trình này diễn ra với sự tham gia của rất nhiều yếu tố liên quan đến ngữ cảnh và các nhân vật tham gia giao tiếp, bởi vậy, nó không chỉ là việc sử dụng các phương tiện ngôn ngữ mà còn là những yếu tố phi ngôn ngữ, là sự nhạy cảm của tư duy, nhận biết và phân tích, tương tác của các yếu tố phi ngôn ngữ, của các nhân tố tham gia giao tiếp. Do vậy, muốn giao tiếp đạt hiệu quả cần phải hiểu được quá trình giao tiếp, các yếu tố ngoài ngôn ngữ chi phối

2.2.4.2. Phân tích các nhân tố tham gia giao tiếp

a. Nhân vật giao tiếp

Dựa trên lí thuyết giao tiếp, chúng tôi hướng dẫn SV xác định và phân tích được rằng để một cuộc giao tiếp thành công, phải phân tích được người mà mình sẽ nói chuyện, trao đổi, tương tác là ai. Các dữ liệu phân tích về nhân vật tham gia giao tiếp sẽ quyết định vai giao tiếp, từ đó quyết định các chuẩn mực ngôn ngữ, các yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ) cho phù hợp. Việc phân tích này được dựa trên khung lí thuyết trục quyền uy và trục thân sơ của lí thuyết hội thoại. Dựa vào các yếu tố tuổi tác, địa vị xã hội; khoảng cách, sự gần gũi của người tham gia giao tiếp... quyết định vai giao tiếp. Từ việc phân tích này, SV sẽ xác định được mình (nhân vật giả định trong xử lí tình huống) là vai trên hay dưới hay ngang vai với nhân vật mà mình sẽ tương tác trong tình

hướng đó. Ngoài ra, trong quá trình giao tiếp, cũng có thể có những tình huống chuyển đổi vai giao tiếp tùy theo diễn biến và sự đưa đẩy của cuộc nói chuyện.

**b. Ngữ cảnh giao tiếp**

Dựa trên lí thuyết đã được nghiên cứu và thảo luận, người học sẽ phân tích những thuận lợi và khó khăn của ngữ cảnh giao tiếp mà tình huống giao tiếp đề ra. Từ đó, người tham gia giao tiếp lựa chọn thời gian và địa điểm phù hợp với một cuộc giao tiếp nhận được sự tham gia tích cực của các nhân vật giao tiếp. Ví dụ: Bạn là một GV trẻ, mới ra trường và rất say mê ứng dụng công nghệ thông tin để dạy học và luôn khơi gợi sự chủ động, sáng tạo tham gia xây dựng bài của HS. Vì lí do đó mà nhiều thời điểm HS tham gia các hoạt động đi kèm với di chuyển và gây ồn ào trong lớp. GV lớn tuổi dạy lớp bên cạnh không hài lòng về việc này và gọi bạn ra nhắc nhở. Vậy, bạn nên ứng xử như thế nào để tiếp tục duy trì hứng thú học tập của HS nhưng không gây khó chịu cho đồng nghiệp.

Với tình huống trên, SV cần phân tích được ngữ cảnh giao tiếp rộng và ngữ cảnh giao tiếp hẹp. Để chuẩn bị cho một cuộc giao tiếp với đồng nghiệp này, SV sẽ lựa chọn thời gian nào (trong hay sau giờ làm việc), ở đâu (nhà trường hay ở nhà, hay hẹn đồng nghiệp đi chơi, café để trao đổi). Những yếu tố đó ảnh hưởng trực tiếp đến giao tiếp.

**c. Đích giao tiếp và nội dung giao tiếp**

Không phải bất cứ tình huống nào cũng có thể xác lập được mục đích cuối cùng của cuộc giao tiếp là giải quyết các tình huống khó xử. Trong thực tế, muốn cuộc giao tiếp có hiệu quả thì các nhân vật giao tiếp phải có thiện chí giao tiếp tích cực, mà nếu có thiện chí giao tiếp ngay từ đầu thì lại không còn gọi là tình huống khó xử lí. Bởi vậy, có những lúc phải xác lập các mục đích theo từng đối tượng nhân vật và ngữ cảnh cụ thể, có nhiều khi phải thay đổi mục đích giao tiếp nhằm từng bước tìm hiểu, tiếp cận và cải thiện mối quan hệ trước khi giải quyết vấn đề cụ thể. Tương ứng với những mục đích giao tiếp, sẽ có các nội dung giao tiếp để đảm bảo duy trì mối quan hệ và tạo hứng thú, tạo sự tương tác tích cực với người tham gia giao tiếp.

**2.2.4.3. Tuân thủ các quy tắc giao tiếp, quy tắc lập luận hội thoại**

Tuân thủ các quy tắc cộng tác hội thoại (phương châm về lượng, phương châm cách thức, phương châm về chất và phương châm quan hệ) và các quy tắc lịch sự giao tiếp là những ứng dụng rất hiệu quả của lí thuyết ngữ dụng học vào quá trình giao tiếp. Khi nói năng cần phải có căn cứ, rõ ràng, dễ hiểu và vừa đủ lượng thông tin. Tùy vào nhân vật giao tiếp và mục đích giao tiếp để lựa chọn ngôn từ và tạo những ý nghĩa hàm ẩn khi vi phạm các quy tắc chiếu vật và các phương châm giao

tiếp cho phù hợp, nhằm đưa ra những hiệu quả tinh tế và không lộ bịch. Người giao nói cần luôn luôn giữ thể diện cho người nghe và luôn tăng những lợi ích cho người nghe trong quá trình tương tác. Có như vậy, các bên tham gia mới hứng thú và tích cực tương tác và phát triển mối quan hệ đó. Bên cạnh đó, muốn người nghe tin vào những điều mình nói là đúng, người nói cần đưa ra các kết luận từ các luận cứ, luận chứng rõ ràng, logic và thuyết phục. Ví dụ: Phụ huynh phản ứng gay gắt vì kết quả học tập của con họ sa sút so với năm ngoái và cho rằng nguyên nhân là bạn dạy kém. Vậy, muốn chứng minh cho phụ huynh biết mình là một GV theo dõi sát sao quá trình học tập của HS thì cần:

- Nhận lỗi của bản thân khi đã không báo cáo kịp thời sự sa sút trong học tập của HS

- Báo cáo cho phụ huynh những biểu hiện bất thường về sức khỏe, về tâm lí của HS trong thời gian qua (nếu có)

- Báo cáo cho phụ huynh các giải pháp, các công việc cụ thể mình đã theo dõi và hỗ trợ HS kèm theo các minh chứng cụ thể như: sổ theo dõi, nhóm trưởng nắm tình hình làm việc nhóm, các dẫn chứng khác

- Báo cáo cho phụ huynh những công việc cụ thể tiếp theo của mình nhằm hỗ trợ HS để phụ huynh yên tâm và phối hợp hỗ trợ...

**3. Kết luận**

Qua quá trình nghiên cứu ứng dụng, chúng tôi rút ra được các kết luận sau đây:

**3.1. Tích hợp dạy Ngữ dụng học và rèn kĩ năng giao tiếp cho SV là một định hướng hoàn toàn đúng đắn và bắt buộc**

Người GV nói chung và GV tiểu học nói riêng là những người thường xuyên phải tổ chức các hoạt động giao tiếp trong trường học với nhiều mục đích và đối tượng khác nhau. Chính vì vậy, không những phải nắm được các vấn đề lí luận trong hoạt động giao tiếp mà phải không ngừng hoàn thiện kĩ năng giao tiếp của bản thân khi ứng dụng nó.

Đối với học phần Ngữ dụng học, dạy học tích hợp chính là sự kết hợp những phương pháp dạy học tích cực khi vừa dạy các kiến thức chuyên ngành và vừa vận dụng chính kiến thức đó giúp người học kết hợp giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ cụ thể của nghề nghiệp trong tương lai. Cụ thể là, GV cần định hướng và yêu cầu bắt buộc cho SV tìm hiểu những tình huống giao tiếp sư phạm trong trường tiểu học mà sau này mình thường xuyên tương tác và cần có kiến thức, kĩ năng để giải quyết. Cách dạy Ngữ dụng học lâu nay vẫn mang nặng tính chất khoa học hàn lâm, chưa thực sự dạy cách thức giao tiếp, rèn luyện kĩ năng giao tiếp cho SV. Chính vì vậy, vai trò tổ chức, hướng dẫn của người giảng viên trong

quá trình tích hợp rèn luyện năng lực giao tiếp là vô cùng quan trọng.

3.2. *Vai trò của GV trong quá trình rèn kĩ năng giao tiếp và xử lí tình huống sư phạm cho SV tích hợp trong dạy học Ngữ dụng học*

Để kết hợp rèn kĩ năng giao tiếp và xử lí tình huống giao tiếp sư phạm cho SV trong giờ học học phần Ngữ dụng học, trước hết GV cần nắm được lí luận và các kĩ thuật dạy học tích cực và cần đầu tư chất xám không chỉ trong giờ lên lớp mà còn là một quá trình chuẩn bị lâu dài. Đó chính là: (1) Đưa nội dung thực hành vào đề cương môn học; (2) Xây dựng kế hoạch học tập sao cho mỗi nội dung kiến thức lí luận của Ngữ dụng học tương ứng với sự ứng dụng của nó khi người học phân tích và định hướng giải quyết tình huống giao tiếp sư phạm; (3) Xây dựng bài giảng, chuẩn bị ngữ liệu dạy học; (4) Hướng dẫn và đưa ra các yêu cầu bắt buộc cho SV

khi thuyết trình từng nội dung cụ thể; (5). Chuẩn bị các tiêu chí, chỉ báo để nhận xét và hỗ trợ SV sau các giờ thuyết trình. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Austin J. L. (1955). *How to do things with words*, Oxford at the Clarendon Press (1962).
- [2]. Đỗ Hữu Châu (2001). *Đại cương ngôn ngữ học*. Tập 2: Ngữ dụng học. NXB Giáo dục.
- [3]. Nguyễn Đức Dân (1998). *Ngữ dụng học*. NXB Giáo dục.
- [4]. Phan Phương Dung, Đặng Kim Nga (2008). *Hoạt động giao tiếp với dạy học ở tiếng Việt ở tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5]. F. Lowenthal, F. Vandamme (1986), *Pragmatics and Education*, New York Plenum press.
- [6]. Ngô Công Hoàn (1997). *Giao tiếp và ứng xử sư phạm*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

### Improving communication capacity and practice skills in handling pedagogical situations for the students of primary education integrated in teaching and learning Pragmatics

Nguyen Thi Thu Hang - Tran Thi Nhat

Sai Gon University

Email: ntthang@sgu.edu.vn

**Abstract:** *The article summarizes our research topic on integrating teaching of the Pragmatics module with the practice of communication skills and handling pedagogical situations for the students majoring in Primary Education. Thereby, we describe the perception of the lecturer when teaching the subject of specialized knowledge so that it is suitable for the training object. In addition, we describe the preparation process, the activities in the classroom of teachers and students so that the combination of theoretical knowledge and specific steps are developed to prepare for specific communication situations and contexts to achieve the highest efficiency.*

**Keywords:** *Communication skills, Pragmatics, primary education.*